

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/DS-PT
Ngày 16-5-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng gia
công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Nhữn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm
Bà Trịnh Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chiêu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng gia công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968 và bà Trần Thị B, sinh năm 1964

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của ông Dương Văn Đ và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Dương Văn Đ như sau:*

Vào tháng 3/2020 (Âm lịch), ông Đ có nhận làm công xây dựng, sửa chữa nhà ở cho ông H và bà B với chi phí 01 ngày công là 350.000đ. Từ khi bắt đầu xây dựng cho đến tháng 04/2020 (Âm lịch), công trình thi công bình thường. Tuy nhiên đến phần lợp tôn mái nhà thì phát sinh vấn đề do phần lợp tôn ở mái nhà bị thiếu hụt. Nguyên nhân là do khi đo đạc vì chữ xấu nên dẫn đến sai sót trong việc quy đổi kích thước tại phần nền nhà để quy đổi lấy kích thước tôn lợp cho mái nhà nên dẫn đến việc lợp tôn bị sai kích thước. Khi đó, ông Đ có hỏi ông H về vấn đề tôn bị sai kích thước thì ông H đồng ý cho ông Đ lợp tôn sai kích thước lên mái nhà. Đến ngày 24/05/2020 (Âm lịch) ông H và bà B yêu cầu ngưng thi công nên ông Đ không làm công nữa. Ông H và bà B có thanh toán chi phí làm công cho ông Đ nhiều lần và còn nợ lại 7.300.000đ. Tại đơn khởi kiện trước đây ông Đ yêu cầu ông H và bà B phải trả số tiền công còn nợ là 7.300.000đ. Tuy nhiên tại phiên tòa ông Đ khấu trừ thêm 200.000đ ông Đ đã tạm ứng cho ông H và bà B chỉ yêu cầu ông H và bà B hoàn lại số tiền công còn nợ là 7.100.000đ.

Bị đơn ông Phạm Văn Htrình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa: Vào ngày 26/3/2020 (Âm lịch), ông H có thuê ông Đ làm nhà trong thời gian 03 tháng. Trong quá trình xây dựng, công trình thi công bình thường. Tuy nhiên đến phần lợp tôn cho mái nhà thì phát sinh vấn đề do ông Đ đo sai kích thước tôn nên dẫn đến mái nhà lợp bị hụt, nhà ông bị dột nhiều nơi mỗi khi có mưa. Sau khi ông Đ đo sai kích thước tôn, ông và vợ ông là bà B đã yêu cầu ông Đ chỉnh sửa phần đã sai nhưng vì do gia đình sắp có tiệc cưới nên đã chấp nhận cho ông Đ lợp tạm phần tôn bị hụt lên mái nhà cho kịp thời gian làm đám, nhưng có yêu cầu ông Đ sau khi qua tiệc phải thực hiện việc sửa chữa lại như sau đó ông Đ không thực hiện. Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông Đ ông H và bà B không đồng ý trả số tiền công còn thiếu là 7.100.000đ vì ông Đ không chịu sửa chữa lại phần mái tôn theo đúng yêu cầu của ông.

Bị đơn bà Trần Thị B trong quá trình tham gia tố tụng tại cấp sơ thẩm có lời trình bày thống nhất với lời trình bày của ông H.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An đã quyết định như sau:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c, khoản 1, Điều 217, khoản 3, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 547 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3, Điều 18 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn Đ số tiền công còn nợ là 7.100.000đ (Bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

Trường hợp ông H và bà B chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố ngày 26/4/2021 của ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ: Căn cứ vào khoản 1, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về án phí: Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B phải chịu án phí 355.000đ (Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Dương Văn Đ không phải chịu án phí, hoàn lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003648 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B căn cứ vào khoản 3 Điều 218, Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án hoàn trả lại cho bị đơn số tiền 344.000đ tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003793 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Khấu trừ 344.000đ tiền tạm ứng án phí của bị đơn vào 355.000đ tiền án phí dân sự bị đơn phải chịu nên bị đơn còn phải nộp thêm 11.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật. Ngày 23/11/2021, bị đơn ông Phạm Văn Hà và bà Trần Thị B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông H cho rằng cấp sơ thẩm không triệu tập ông và bà B tham gia phiên tòa sơ thẩm là ảnh hưởng đến quyền lợi của ông. Mặt khác việc ông không trả tiền cho ông Đ là do ông Đ chưa hoàn thành mái nhà cho ông dẫn đến thiệt hại cho ông. Do đó ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để ông yêu cầu phản tố buộc ông Đ phải bồi thường mái nhà cho ông H, bà B.

Ông Dương Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và lời trình bày tại cấp sơ thẩm và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử và tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 75, Điều 234 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đúng quy định tại Điều 287 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông Dương Văn Đ có nhận làm công nhật xây và nâng cấp sửa chữa nhà ở cho Phạm Văn Hà và bà Trần Thị B.

Thấy rằng quan hệ tranh chấp mà ông Đ khởi kiện là thanh toán tiền công lao động, sự việc ông Đ đã lợp xong phần mái nhà là coi như hoàn thành thỏa thuận ban đầu, nên buộc vợ chồng bị đơn trả tiền công lao động là đúng. Còn đối với yêu cầu phản tố “yêu cầu bồi thường 13.750.000 đồng của bị đơn đề ngày 22/02/2021 đến ngày 03/3/2021 Tòa án yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng để thẩm định tại chỗ nhưng đến ngày 26/4/2021 bị đơn vẫn chưa nộp (BL 84). Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp.

Ông H và bà B kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ gì mới cũng như không đưa ra được căn cứ pháp luật cần phải hủy bản án sơ thẩm. Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Hà và bà Trần Thị B. Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS 2015 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất vào tháng 3/2020 (Âm lịch) ông H và bà B có thuê ông Đ xây dựng và sửa chữa nhà ở với chi phí 01 ngày công là 350.000đ. Ông Đ đã hoàn thành công việc mà phía ông H và bà B yêu cầu, do đó ông H, bà B phải thanh toán tiền công cho ông Đ là phù hợp. Ông H, bà B cho rằng không trả tiền cho ông Đ lý do là ông Đ lợp tôn sai kích cỡ do có sai sót trong quá trình đo đạc tuy nhiên ông Đ đã thông báo cho ông H và bà B biết việc sai sót này nhưng ông H và bà B vẫn đồng ý cho ông Đ lợp phần tôn sai kích cỡ này nên ông H, bà B không trả tiền cho ông Đ vì lý do trên là không phù hợp. Mặt khác ông H, bà B có yêu cầu phản tố “yêu cầu bồi thường 13.750.000 đồng của bị đơn đề ngày 22/02/2021 đến ngày 03/3/2021 Tòa án yêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí và chi phí tố tụng để thẩm định tại chỗ nhưng đến ngày 26/4/2021 bị đơn vẫn chưa nộp (BL 84). Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp ông Đ yêu cầu ông H và bà B hoàn trả số tiền công còn nợ là 7.100.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3]. Ông H, bà B cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt ông H, bà B làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản giao nhận ngày 15/10/2021 (bút lục số 23) của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An thì ông H, bà B đã nhận được thông báo mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 15/10/2021 cùng ngày. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H, bà B cũng thừa nhận chữ ký trong biên bản giao nhận trên là của ông, bà. Ông H, bà B cho rằng ông, bà ký tên trước mà không nhận được thông báo, sau đó nội dung mới được ghi thêm sau. Tuy nhiên không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, lời trình bày của ông H, bà B về việc chưa nhận được thông báo mở phiên tòa của Tòa án là không có căn cứ chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về giải quyết vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do ông H, bà B kháng cáo không được chấp nhận, nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 30/2021/DS-ST ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, điểm c, khoản 1, Điều 217, khoản 3, Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 547 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3, Điều 18 Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ.

Buộc ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn Đ số tiền công còn nợ là 7.100.000đ (Bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

Trường hợp ông H và bà B chậm trả thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố ngày 26/4/2021 của ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ: Căn cứ vào khoản 1, Điều 218 Bộ luật Tố tụng năm 2015 khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B phải chịu án phí 355.000đ (Ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Dương Văn Đ không phải chịu án phí, hoàn lại 300.000đ tiền

tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0003648 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An.

Trả lại cho bị đơn ông H, bà B số tiền 344.000đ tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp đối với yêu cầu phản tố theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003793 ngày 26/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hóa, tỉnh Long An. Khấu trừ 344.000đ tiền tạm ứng án phí của bị đơn vào 355.000đ tiền án phí dân sự bị đơn phải chịu nên bị đơn còn phải nộp thêm 11.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn H và bà Trần Thị B phải chịu mỗi người 300.000 đồng, chuyển số tiền tạm ứng án phí ông H, bà B đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010822 và 0010821 cùng ngày 24/11/2021 sang thi hành án phí, ông H, bà B đã nộp xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: “Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Nhữn